TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 91/2020/HNGĐ-ST Ngày: 07 – 8 – 2020 V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Bé Hai.

2. Ông Phan Kiên Nhẫn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chiêu Hằng – Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên toà.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 188/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị Phú S, sinh năm 1980 (*có mặt*).

2. Bị đơn: Anh Phạm Trí L (Phạm Chí L), sinh năm 1973 (*vắng mặt*).

Cùng cư trú tại: Ấp N, xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 4 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trương Thị Phú S trình bày:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình, chị và anh Phạm Chí L tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 11/4/2001 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cải dẫn đến mất hạnh phúc. Mặc dù, mâu thuẫn đã được gia đình động viên hòa giải, vợ chồng cố gắn điều hòa nhưng không đạt kết quả. Nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ chồng không còn

tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

- Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị và anh L có với nhau 02 người con chung tên Phạm Thị Kim P, sinh ngày 22/10/2002 hiện do anh L nuôi dưỡng và Phạm Thị Kim Y, sinh ngày 14/11/2010 hiện do chị nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Y, đồng ý giao cháu P cho anh L được trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp với nguyện vọng của các con. Do mỗi người nuôi 01 con nên chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho cháu Y và không đồng ý cấp dưỡng cho cháu P.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Anh Phạm Chí L đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị S và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh L đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tam Bình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Phạm Chí Lượng đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Lượng theo thủ tục chung.

[3] *Về hôn nhân*: Chị Trương Thị Phú S và anh Phạm Chí L là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét trong thời gian chung sống, xuất phát từ bất đồng quan điểm trong cuộc sống không điều hòa được làm cho vợ chồng thường xuyên cự cải dẫn đến mất hạnh phúc. Chị S và anh L có thời gian sống ly thân từ năm 2017 đến nay không trở về đoàn tụ. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L không có văn bản trình bày ý kiến hoặc đề nghị giải quyết đối với yêu cầu ly hôn của chị S. Căn cứ vào lời trình bày của chị S và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết luận đời sống chung giữa chị S và anh L không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị Sỉ và anh L.

[4] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*: Chị S và anh L có với nhau 02 người con chung là cháu Phạm Thị Kim P, sinh ngày 22/10/2002 đã trên 17 tuổi hiện do anh L nuôi dưỡng và cháu Phạm Thị Kim Y, sinh ngày 14/11/2010 đã trên 09 tuổi hiện do chị S nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L không có văn bản trình bày ý kiến hoặc đề nghị giải quyết đối với con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Xét nguyện vọng của cháu P muốn được tiếp tục chung sống với anh L, nguyện vọng của cháu Y muốn được tiếp tục chung sống với chị S sau khi cha mẹ ly hôn (BL: 04 – 05). Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu P cho anh L nuôi dưỡng, giao cháu Y cho chị S nuôi dưỡng. Căn cứ vào khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết: Ghi nhận ý kiến của chị S không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho cháu Y; dành cho anh L một vụ kiện dân sự khác nếu có yêu cầu chị S cấp dưỡng cho cháu P; chị S và anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng*: Do không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án, Tòa án giải quyết chị S phải chịu án phí giải quyết ly hôn số tiền 300.000 đồng và được khấu trừ vào trong số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trương Thị Phú S và anh Phạm Chí L.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

2.1. Giao cháu Phạm Thị Kim Y, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2010 cho chị Trương Thị Phú S được trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Phạm Thị Kim P, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2002 cho anh Phạm Chí L được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ghi nhận ý kiến của chị Trương Thị Phú S không yêu cầu anh Phạm Chí L cấp dưỡng cho cháu Phạm Thị Kim Y. Dành cho anh L một vụ kiện dân sự khác nếu có yêu cầu chị S cấp dưỡng cho cháu Phạm Thị Kim P.

2.3. Chị Trương Thị Phú S và anh Phạm Chí L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Trương Thị Phú S phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số No 0010107 ngày 04 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt chị Trương Thị Phú S, vắng mặt anh Phạm Chí L. Báo cho chị S có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh L vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- CC. THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + BĐ: 02;
- UBND xã M: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Cao Minh Tân